

Bản án số: 32/2024/HS-PT
Ngày: 04/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Bà Tăng Thị Thúy Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Thúy Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 22/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Ngọc G và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Thị Ngọc G, sinh ngày: 11/6/1985, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (chết) và bà Trần Thị C (chết); có chồng Nguyễn Văn Ú và 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2023 cho đến nay (có mặt).

2. Trần Thị L, sinh ngày 03/9/1978, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Ngô Thị H1; chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/8/2011, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đến lần phạm tội này bị cáo

được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2023 cho đến nay (có mặt).

3. Võ Thị Đ, sinh ngày 01/01/1981, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ1 và bà Quách Thị T; có chồng Nguyễn Tấn A và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2023 cho đến nay (có mặt).

4. Trần Thị N, sinh ngày 01/01/1969, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 và bà Mai Thị B; có chồng Võ Văn S và 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2023 cho đến nay (có mặt).

5. Trịnh Thái T1, sinh ngày: 19/5/1990, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang T2 (chết) và bà Thái Thị Ngọc T3; có vợ Ngô Thùy D và 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2023 cho đến nay (có mặt).

6. Võ Thị Hồng P, sinh ngày: 21/3/1980, tại huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: cán bộ viên chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn V và bà Võ Thị G1; có chồng Lương Thanh H3 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2023 cho đến nay (có mặt).

7. Huỳnh Ngọc H4, sinh ngày: 23/9/1980, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nơi thường trú: Số D, đường N, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú mới: Ấp Văn S1, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đăng ký từ ngày 23/6/2023); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H5 và bà Trần Thị Á; có vợ Lê Tường V1 (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2023 cho đến nay (có mặt).

8. Huỳnh Toàn M1, sinh ngày: 01/01/1964, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Xích L1 (chết) và bà Trần Thị B1 (chết); có vợ Nguyễn Thị Út N1 (chết) và 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: Vào ngày 04/02/2021, bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng

về hành vi bán bản đề phục vụ cho việc đánh lô đề tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 07/QĐ-XPHC, bị cáo đã nộp phạt vào ngày 05/02/2021; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2023 cho đến nay (có mặt).

Ngoài ra còn có 09 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập gồm: Thiệu Minh T4, Phan Văn N2, Phạm Thị Hồng N3, Phạm Thị Ngọc P1, Huỳnh Thị L2, Nguyễn Văn V2, Lư Thanh G2, Trần Hữu T5, Trương Thùy T6.

- *Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Dương Thị N4, bà Trần Thanh T7; người làm chứng: Bà Lâm Thị P2, Nguyễn Thị H6, bà Lê Thị A, bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 06/7/2022, lực lượng Công an huyện C phối hợp với Phòng C1 và các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh S tiến hành triệt phá, bắt quả tang 07 điểm tổ chức đánh bạc trên địa bàn thị trấn C, xã A, xã A, xã Đ 1 thuộc huyện C và thị trấn L Thượng thuộc huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả: bắt quả tang 07 đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội, gồm: Lâm Thị P2, Trần Thị H7, Lê Thị A, Trần Thị X, Nguyễn Thị H6, Phạm Thị Đ2 và Lâm Thị Đ3. Thu giữ một số tài liệu, đồ vật, tài sản có liên quan phục vụ công tác điều tra, xác minh.

Trong quá trình điều tra mở rộng Công an huyện C đã có đủ căn cứ chứng minh được Thiệu Minh T4, Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ, Trịnh Thái T1 có hành vi tổ chức đánh bạc; Phan Văn N2, Phạm Thị Ngọc P1, Phạm Thị Hồng N3, Huỳnh Thị L2, Nguyễn Văn V2, Võ Thị Hồng P, Lư Thanh G2, Huỳnh Ngọc H4, Trần Hữu T5, Trương Thùy T6, Huỳnh Toàn M1 có hành vi đánh bạc.

Cách thức chơi số lô, số đề cụ thể như sau: Số đầu, đuôi đối với các đài miền N, các đài miền T thì chơi lô 02 con của giải tám và 02 con số cuối cùng của giải đặc biệt. Còn miền B thì lô 02 con là 02 số cuối của giải đặc biệt và 04 cặp số đầu của giải bảy; lô 02 con là lấy hai con số cuối của các giải đối với đài miền N, miền T là 18 lô, miền B là 27 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; lô 03 là lấy ba con số cuối của các giải đối với đài miền N, miền T là 17 lô, miền B là 23 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; lô 04 là lấy bốn con số cuối của các giải đối với đài miền N, miền T là 16 lô, miền B là 20 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; đá 01 đài, đá 02 đài là đá 02 con (02 cặp số), đá 03 con (03 cặp số), đá 04 con (04 cặp số) hai con số cuối cùng của các giải. Nếu kết quả có cùng lúc ít nhất 02 cặp trở lên thì trúng. Còn đá 02 đài thì chỉ cần có 02 cặp số của một hoặc hai đài vẫn trúng và xỉu chủ là lấy 03 con số cuối cùng của giải đặc biệt và lô 03 con của giải bảy (miền N, miền T), 03 lô giải sáu của miền B. Nếu kết quả có ở lô nào thì trúng lô đó.

Tỷ lệ thắng thua: Đối với các đài miền N và miền T: Đầu, đuôi và lô 02 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 70.000 đồng (nếu có tính an ủi thì 1.000 đồng trúng 5.000 đồng, không tính an ủi thì 1.000 đồng trúng 80.000 đồng); lô 03 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 600.000 đồng; lô 04 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 6.000.000 đồng; xiù chủ tỷ lệ 1.000 đồng trúng 600.000 đồng; đá 01 đài tỷ lệ 1.000 đồng trúng 650.000 đồng; đá 02 đài tỷ lệ 1.000 đồng trúng 600.000 đồng; đối với các đài miền B: Đầu, đuôi và lô 02 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 80.000 đồng; lô 03 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 600.000 đồng; lô 04 con tỷ lệ 1.000 đồng trúng 6.000.000 đồng; xiù chủ tỷ lệ 1.000 đồng trúng 600.000 đồng; đá tỷ lệ 1.000 đồng trúng 650.000 đồng.

Quá trình hoạt động mua bán số lô, số đề của các bị cáo thực hiện như sau:

- Bị cáo Lê Thị Ngọc G: Có hành vi nhận phôi số lô, số đề của bà Lê Thị A (bà A đã bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” vào ngày 25/5/2023) từ ngày 14/5/2022 đến ngày 23/5/2022.

- Các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ: Hàng ngày bán các con số lô, số đầu đuôi, số đá, đến khoảng 15 giờ 30 phút đến 16 giờ thì những tay em này tổng hợp các con số vừa bán được giao phôi số cho bà Lâm Thị P2 để hưởng tiền chênh lệch (tiền cò). Khi có kết quả mở thưởng của các đài xổ số, các bị cáo tính ra kết quả thắng thua với bà Lâm Thị P2 cũng như người mua số đề rồi tiến hành chung chi.

- Bị cáo Trịnh Thái T1: Có hành vi giúp sức cho bà Nguyễn Thị H6 (bà H6 đã bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” vào ngày 25/5/2023) trong việc bị cáo T1 đi lấy tiền của Phan Văn N2 mua số đề của Nguyễn Thị H6 như sau: Từ tháng 5/2022 đến ngày 06/7/2022, Nguyễn Thị H6 có nhờ bị cáo đi đến xã A 1 lấy tiền của Phan Văn N2 mua số đề của H6 rất nhiều lần nhưng bị cáo không nhớ cụ thể ngày, tháng. Cách 03 – 04 ngày thì H6 nhờ bị cáo đi lấy tiền của N2 một lần, số tiền bị cáo lấy của Nhuận một lần từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng nhiều nhất là 5.000.000 đồng, sau khi lấy tiền xong thì về bị cáo đưa lại cho H6. Bị cáo biết tiền lấy của N2 là do N2 mua số đề của H6. Qua quá trình điều tra xác định được vào ngày 25/6/2022 và ngày 30/6/2022 bị cáo có đến gặp N2 để lấy tiền (lấy tiền mua số của ngày 24/6/2022 và ngày 29/6/2022).

- Các bị cáo: Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 đã có hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với bà Lê Thị A.

* Quá trình điều tra đã xác định được số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo, cụ thể như sau:

Nhóm các bị cáo có hành vi tổ chức đánh bạc và đồng phạm gồm: Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ và Trịnh Thái T1:

1. Tiền đánh bạc của bị cáo Lê Thị Ngọc G từ ngày 14/5/2022 đến ngày 23/5/2022 (liên tục) như sau: Tổng số tiền đánh bạc các đài miền N, miền B của bị cáo G từ ngày 14/5/2022 đến ngày 23/5/2022 là: 799.420.500 đồng (tiền nhận

phoi (bán) số đề 386.690.500 đồng; tiền trúng số đề: 412.730.000 đồng). Trong quá trình bán số đề bị cáo G bị lỗ, nên không có tiền thu lợi bất chính.

2. Tiền đánh bạc của bị cáo Trần Thị L từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 (liên tục) như sau: Tổng số tiền đánh bạc các đài miền N, miền B của bị cáo L từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 là: 527.049.500 đồng (tiền bán cho người mua 291.029.500 đồng; tiền giao cho thầu 270.303.650 đồng; tiền chênh lệch được hưởng 19.535.670 đồng; tiền trúng số đề 236.020.000 đồng). Bị cáo L thu lợi bất chính số tiền 19.535.670 đồng.

3. Tiền đánh bạc của bị cáo Trần Thị N từ ngày 26/6/2022 đến ngày 05/7/2022 (liên tục) như sau: Tổng số tiền đánh bạc các đài miền N, miền B của bị cáo N từ ngày 26/6/2022 đến ngày 05/7/2022 là: 294.745.000 đồng (tiền bán cho người mua 156.295.000 đồng; tiền giao cho thầu 145.537.500 đồng; tiền chênh lệch (tiền cò) 10.757.400 đồng; tiền trúng số đề 139.270.000 đồng). Bị cáo N thu lợi bất chính số tiền 10.757.400 đồng.

4. Tiền đánh bạc của bị cáo Võ Thị Đ từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 (liên tục) như sau: Tổng số tiền đánh bạc các đài miền N, miền B của bị cáo Đ từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 là: 264.485.400 đồng (tiền bán cho người mua 147.485.400 đồng; tiền giao cho thầu 137.301.860 đồng; tiền chênh lệch (tiền cò) 9.785.740 đồng; tiền trúng số đề 117.000.000 đồng). Bị cáo Đ thu lợi bất chính số tiền 9.785.740 đồng.

5. Bị cáo Trịnh Thái T1 có hành vi giúp sức cho bà Nguyễn Thị H6 đi lấy tiền mua số lô, số đề của Phan Văn N2 vào ngày 25/6/2022 và ngày 30/6/2022 (lấy tiền mua số của ngày 24/6/2022 và ngày 29/6/2022) mỗi lần từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng nhiều nhất là 5.000.000 đồng, sau khi lấy tiền xong thì về bị cáo đưa lại cho bà H6.

Nhóm các bị cáo có hành vi đánh bạc gồm: Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1:

6. Tiền đánh bạc của bị cáo Võ Thị Hồng P từ ngày 04/5/2022 đến ngày 06/7/2022 (không liên tục), bị cáo mua số đề các đài miền N, miền B của bà Lê Thị A như sau: Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo là 188.580.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 92.480.000 đồng; tiền trúng số đề 96.100.000 đồng); tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.620.000 đồng.

7. Tiền đánh bạc của bị cáo Huỳnh Ngọc H4 từ ngày 05/02/2022 đến ngày 06/7/2022 (không liên tục), bị cáo mua số đề các đài miền N, miền B của bà Lê Thị A như sau: Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo là 90.090.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 51.140.000 đồng; tiền trúng số đề 38.950.000 đồng); không có thu lợi bất chính.

8. Tiền đánh bạc của bị cáo Huỳnh Toàn M1 từ ngày 08/01/2022 đến ngày 12/02/2022 (không liên tục) với tổng số tiền đánh bạc của bị cáo là 11.580.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 7.380.000 đồng; tiền trúng số đề 4.200.000 đồng); không có thu lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ, Trịnh Thái T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào:

Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ, Trịnh Thái T1. Riêng bị cáo G, L, N, Đ áp dụng thêm khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc G 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thái T1 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng P 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H4 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Toàn M1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, áp dụng các biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Lê Thị Ngọc G có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hiện hay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nhà chỉ có 02 mẹ con, con còn nhỏ sinh năm 2002, chồng đã ly thân bỏ nhà đi hơn 02 năm không rõ đi đâu, đưa con sinh năm 2005 theo chồng. Do đó, bị cáo xin được hưởng án treo để có điều kiện về thời gian chăm sóc con. Sự việc bị cáo tự đến Cơ quan điều tra khai báo nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt là tự thú theo Điều 152 của Bộ luật Hình sự.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Sau khi phạm tội, bị cáo hối hận với việc làm của bị cáo, bị cáo rất ăn năn hối cải và thật thà khai báo. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh rất khó khăn, con còn nhỏ không có người chăm sóc, nuôi dưỡng; bị cáo là lao động chính và duy nhất trong nhà và hiện đang mắc bệnh ung thư giai đoạn 3 phải điều trị theo đúng liệu trình của bác sĩ.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Võ Thị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Sau khi phạm tội, bị cáo hối hận với việc làm của bị cáo, bị cáo rất ăn năn hối cải và thật thà khai báo. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính trong nhà.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trần Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực khắc phục nộp lại số tiền thu lợi bất chính và nộp phạt; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Trịnh Thái T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích

cực khắc phục nộp lại số tiền thu lợi bất chính và nộp phạt; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Võ Thị Hồng P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với những lý do sau: Sau khi phạm tội, bị cáo hối hận với việc làm của bị cáo, bị cáo rất ăn năn hối cải và thật thà khai báo; số tiền thu lợi bất chính rất ít. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nhiều chứng bệnh và còn có 02 con nhỏ (sinh năm 2012 và sinh năm 2015) nên cần được điều trị bệnh và chăm sóc con nhỏ.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Huỳnh Ngọc H4 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, với những lý do sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; số tiền thu lợi bất chính không có; có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi cha bệnh tật già yếu di chứng bị thương thời chiến tranh, nuôi mẹ bệnh tim nặng; bị cáo là lao động chính trong gia đình; có nơi cư trú rõ ràng.

* Ngày 03 tháng 01 năm 2024, bị cáo Huỳnh Toàn M1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, với những lý do sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; số tiền thu lợi bất chính không có; có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn; có nơi cư trú rõ ràng.

* Ngày 14 tháng 3 năm 2024, bị cáo Trịnh Thái T1 có đơn rút kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Thái T1 vẫn giữ nguyên nội dung Đơn rút kháng cáo đề ngày 14/3/2024.

Các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Thái T1 vẫn giữ nguyên Đơn rút kháng cáo đề ngày 14/3/2024, việc rút đơn kháng cáo của bị cáo T1 là tự nguyện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Thái T1. Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh T8 Miền phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Thị Ngọc G mức án 02 năm tù, Trần Thị L mức án 01 năm 09 tháng tù, Võ Thị Đ

mức án 01 năm 06 tháng tù, Trần Thị N mức án 01 năm 06 tháng tù; các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 với mức án 07 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, vai trò của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ các bị cáo được áp dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa được áp dụng đối với các bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có cơ sở để giảm hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời, tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn diễn ra khá phức tạp và các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, nên không đủ điều kiện và không thuộc trường hợp cho hưởng án treo; việc cho các bị cáo Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Trịnh Thái T1, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[2] Xét đơn rút kháng cáo của bị cáo Trịnh Thái T1: Sau khi vụ án được thụ lý phúc thẩm, ngày 14/3/2024 bị cáo Trịnh Thái T1 có đơn rút kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Thái T1 vẫn giữ nguyên đơn rút kháng cáo đề ngày 14/3/2024. Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trịnh Thái T1.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Ngọc G, về tội danh áp dụng đối với bị cáo G: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có căn cứ xác định bị cáo thực hiện hành vi làm chủ đề (bán số lô, số đề) từ ngày 14/5/2022 đến ngày 23/5/2022 (liên tục) cho bà Lê Thị A, với tổng số tiền đánh bạc là 799.420.500 đồng (tiền nhận phơi (bán) số đề 386.690.500 đồng; tiền trúng số đề 412.730.000 đồng, không có thu lợi bất chính); hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một

lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo G là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị L: Bị cáo thực hiện hành vi làm chủ đề (mua bán số lô, số đề) từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 (liên tục), với tổng số tiền đánh bạc là 527.049.500 đồng (tiền bán cho người mua 291.029.500 đồng; tiền giao cho thầu 270.303.650 đồng; tiền chênh lệch được hưởng 19.535.670 đồng; tiền trúng số đề 236.020.000 đồng), bị cáo thu lợi bất chính với số tiền 19.535.670 đồng; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, nộp một phần tiền thu lợi bất chính quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đánh giá toàn diện về nhân thân, tích chất và mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Thị Đ: Bị cáo thực hiện hành vi làm chủ đề (mua bán số lô, số đề) từ ngày 14/6/2022 đến ngày 06/7/2022 (liên tục), với tổng số tiền đánh bạc của bị cáo là 264.485.400 đồng (tiền bán cho người mua 147.485.400 đồng; tiền giao cho thầu 137.301.860 đồng; tiền chênh lệch (tiền cò) 9.785.740 đồng; tiền trúng 117.000.000 đồng), thu lợi bất chính số tiền 9.785.740 đồng; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính quy

định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính là 7.785.740 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, đây là nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước mà bị cáo phải thi hành theo quyết định của bản án sơ thẩm và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị N: Bị cáo thực hiện hành vi làm chủ đề (mua bán số lô, số đề) từ ngày 26/6/2022 đến ngày 05/7/2022 (liên tục), với tổng số tiền đánh bạc là 294.745.000 đồng (tiền bán cho người mua 156.295.000 đồng; tiền giao cho thầu 145.537.500 đồng; tiền chênh lệch (tiền cò) 10.757.400 đồng; tiền trúng số đề 139.270.000 đồng), bị cáo thu lợi bất chính số tiền 10.757.400 đồng; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, bị cáo có cha và người thân có công với nước, đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính, có trình độ học vấn thấp quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính là 8.757.400 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, đây là nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước mà bị cáo phải thi hành theo quyết định của bản án sơ thẩm và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Thị Hồng P: Bị cáo thực hiện hành vi mua số lô, số đề của bà Lê Thị A từ ngày 04/5/2022 đến ngày 06/7/2022 (không liên tục), với tổng số tiền đánh bạc là 188.580.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 92.480.000 đồng; tiền trúng số đề 96.100.000 đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.620.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong các ngày nêu trên thì có 04 ngày, bị cáo có số tiền đánh bạc 01 lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là các ngày: 04/5/2022, 24/5/2022, 08/6/2022, 12/6/2022, nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng

đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Ngân hàng V4 quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đánh giá toàn diện về nhân thân, tích chất và mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo P là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Ngọc H4: Bị cáo thực hiện hành vi mua số lô, số đề của bà Lê Thị A từ ngày 05/02/2022 đến ngày 06/7/2022 (không liên tục), với tổng số tiền đánh bạc của bị cáo là 90.090.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 51.140.000 đồng; tiền trúng 38.950.000 đồng); bị cáo không có thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong các ngày nêu trên thì có 05 ngày, bị cáo có số tiền đánh bạc 01 lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là các ngày: 27/02/2022, 22/6/2022, 27/6/2022, 28/6/2022, 02/7/2022, nên hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, bị cáo có trình độ học vấn thấp quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đánh giá toàn diện về nhân thân, tích chất và mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đồng thời, xét về mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn huyện C, việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền thì không đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và tác dụng phòng ngừa chung, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền của bị cáo H4 là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Toàn M1: Bị cáo thực hiện hành vi mua số lô, số đề của bà Lê Thị A từ ngày 08/01/2022 đến ngày 12/02/2022 (không liên tục), với tổng số tiền đánh bạc là 11.580.000 đồng (tiền mua số lô, số đề 7.380.000 đồng; tiền trúng số đề 4.200.000 đồng); bị cáo không có thu lợi bất chính. Trong tất cả các ngày bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc thì không có ngày nào đủ định lượng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 04/02/2021, bị cáo đã bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi bán bảng đề phục vụ cho việc đánh lô đề tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 07/QĐ-XPHC, bị cáo đã nộp phạt vào ngày 05/02/2021. Tính từ ngày bị cáo nộp phạt ngày 05/02/2021 đến ngày bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc gồm các

ngày 08/01/2022, 09/01/2022, 10/01/2022, 11/01/2022, 22/01/2022, 23/01/2022, 24/01/2022 và ngày 29/01/2022 là còn trong thời hạn chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tiền án, bị cáo có trình độ học vấn thấp quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đánh giá toàn diện về nhân thân, tích chất và mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội. Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đồng thời, xét về mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn huyện C, việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền thì không đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và tác dụng phòng ngừa chung, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền của bị cáo M1 là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo về xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1: Mặc dù các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo và thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền; giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 của bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Bị cáo Trịnh Thái T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, Điều 348; điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Thái T1 về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

1/. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 phạm tội “Đánh bạc”.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào:

Điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Trần Thị N, Võ Thị Đ.

Khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1.

2/. Xử phạt các bị cáo:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc G 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Thị N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo Võ Thị Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng P 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

2.6. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H4 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

2.7. Xử phạt bị cáo Huỳnh Toàn M1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

2.8. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền mà bị cáo Võ Thị Đ đã nộp 7.785.740 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000017 ngày 05/01/2024 và số tiền 8.757.400 đồng mà bị cáo Trần Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000021 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Lê Thị Ngọc G, Trần Thị L, Võ Thị Đ, Trần Thị N, Võ Thị Hồng P, Huỳnh Ngọc H4, Huỳnh Toàn M1 mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trịnh Thái T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện Cù Lao Dung (02);
- VKSND huyện Cù Lao Dung (01);
- CQCSĐT-Công an huyện Cù Lao Dung (01);
- CQTHAHS -Công an huyện Cù Lao Dung (01);
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung (01);
- Bị cáo (08);
- CQTHAHS Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS, VP (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Tấn Vinh